

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TUYỂN DỤNG HWS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TUYỂN DỤNG HWS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HWS RECRUITMENT CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HWSREC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109168554

**3. Ngày thành lập:** 29/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 25 Tú Mỡ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0923.222.488

Fax:

Email: [hwsvietnam@gmail.com](mailto:hwsvietnam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                  | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                      | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                       | 4652     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                        | 4669     |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                        | 4690     |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                   | 4741     |
| 8.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4742     |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4761     |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                      | 4931     |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                           | 4933     |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                              | 5210     |
| 13. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                        | 5820     |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                    | 6201     |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                      | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng)                                        | 6311        |
| 17. | Công thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                       | 6312        |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;              | 6399        |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                        | 7020        |
| 20. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                       | 7212        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                           | 7320        |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                          | 7710        |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730        |
| 25. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm   | 7810(Chính) |
| 26. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                      | 7820        |
| 27. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                              | 7830        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                    | 8220        |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                       | 8230        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                           | 8299        |
| 31. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                  | 8531        |
| 32. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                               | 8532        |
| 33. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                | 8533        |
| 34. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                   | 8551        |
| 35. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                     | 8552        |
| 36. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể                                                                          | 8559        |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                         | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY Giới tính: Nữ  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 22/04/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 131264151  
Ngày cấp: 26/07/2016 Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phố Vàng, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Phòng 701, Chung cư 15T, Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội